

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 27/3/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU KIỂM TRA

1. Mục đích

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính (viết tắt là CCHC); nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác CCHC, đặc biệt là người đứng đầu.

- Rà soát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh quản lý ngành, lĩnh vực và kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương (gọi chung là cơ quan, đơn vị). Từ đó, rút ra được những vấn đề cần quan tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC trong thời gian tới, góp phần nâng điểm số và thứ hạng các chỉ số đánh giá của tỉnh so với các tỉnh, thành phố trên cả nước.

- Ghi nhận và biểu dương những cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác CCHC đem lại hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát hiện những sáng kiến, mô hình CCHC mới, thiết thực, hiệu quả để nghiên cứu, đánh giá nhân rộng trong toàn tỉnh.

- Kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế, thiết sót, những khó khăn, vướng mắc hoặc vi phạm trong quá trình thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị để khắc phục, tháo gỡ, xử lý; đồng thời ghi nhận những đề xuất, kiến nghị để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong tỉnh hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

- Sử dụng kết quả từ kiểm tra CCHC phục vụ đánh giá, xếp hạng CCHC của cấp có thẩm quyền.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm tra công tác CCHC phải thực hiện đúng quy định, nghiêm túc, khách quan, trung thực; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan để tránh trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động kiểm tra, gây trở ngại đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

- Việc kiểm tra công tác CCHC phải mang tính toàn diện trên các lĩnh vực, nội dung CCHC, đồng thời có trọng tâm, chú ý các nội dung quan trọng nhằm cải thiện, nâng cao các Chỉ số của tỉnh.

- Đánh giá, kết luận của Đoàn kiểm tra phải phản ánh đúng thực tế về công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị; đối với các hạn chế, vi phạm phải làm rõ trách

nhiệm của từng cá nhân, bộ phận, phòng, ban có liên quan.

- Kết quả kiểm tra phải được thông báo kịp thời để cơ quan, đơn vị biết và khắc phục. Những tồn tại, hạn chế về CCHC được chỉ ra qua công tác kiểm tra phải được các cơ quan, đơn vị khắc phục một cách nghiêm túc và có báo cáo kết quả khắc phục; trong trường hợp cần thiết, Đoàn kiểm tra có thể thực hiện việc phúc tra.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra (Đính kèm 03 phụ lục đề cương báo cáo)

a) Kiểm tra toàn diện công tác CCHC

Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực, nội dung CCHC, gồm: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC); cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

b) Kiểm tra chuyên đề về cải cách TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện trên các nội dung: Cải cách TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cung cấp dịch vụ công trực tuyến (thực hiện trực tuyến qua mạng internet; thanh toán trực tuyến).

c) Kiểm tra chuyên đề về tài chính công

Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện trên các nội dung: Thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước; thực hiện công khai tài chính ngân sách; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

2. Hình thức kiểm tra

- Kiểm tra trực tiếp tại cơ quan, đơn vị theo lịch thông báo.

- Kiểm tra qua báo cáo, kết hợp với kiểm tra thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng được kiểm tra (Dự kiến kiểm tra 27 cơ quan, đơn vị), cụ thể:

- Khối cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong: 10 cơ quan.

- Khối cơ quan ngành dọc của trung ương trên địa bàn tỉnh: 03 cơ quan.

- Khối đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh: 02 đơn vị.

- Khối đơn vị văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 đơn vị.

- Khối UBND cấp huyện: 04 cơ quan.

- Khối UBND cấp xã: 05 cơ quan.

2. Phương pháp tổ chức kiểm tra

a) Thông báo lịch kiểm tra: Đoàn kiểm tra gửi thông báo lịch kiểm tra đến cơ quan, đơn vị được kiểm tra trước 10 ngày làm việc.

b) Báo cáo phục vụ Đoàn kiểm tra: Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra gửi báo cáo phục vụ kiểm tra đến Sở Nội vụ trước 05 ngày làm việc.

c) Tiến hành kiểm tra

- Trường hợp kiểm tra trực tiếp tại cơ quan, đơn vị:

+ Đoàn kiểm tra kiểm tra thực tế việc thực hiện CCHC trên các lĩnh vực, nội dung CCHC; yêu cầu cơ quan, đơn vị cung cấp phương tiện (tài khoản truy cập các hệ thống phần mềm, hồ sơ lưu để đối chiếu,...) và các tài liệu, số liệu, báo cáo có liên quan để phục vụ đánh giá kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị.

+ Đoàn kiểm tra trao đổi, thảo luận, yêu cầu cơ quan, đơn vị được kiểm tra báo cáo bổ sung, giải trình làm rõ các nội dung cần thiết. Các thành viên Đoàn kiểm tra tìm hiểu nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc, tồn tại mà cơ quan, đơn vị gặp phải để kịp thời giải đáp, hướng dẫn hoặc báo cáo Trưởng Đoàn kiểm tra.

+ Trong quá trình kiểm tra, có thể kết hợp khảo sát nhanh, phỏng vấn trực tiếp tổ chức, công dân đến thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị; thu thập thông tin từ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị, kiểm tra về các nội dung có liên quan.

- Trường hợp kiểm tra qua báo cáo, kết hợp với kiểm tra thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý:

+ Cơ quan, đơn vị cung cấp phương tiện (tài khoản truy cập các hệ thống phần mềm, hồ sơ lưu để đối chiếu,...) và các tài liệu, số liệu, báo cáo có liên quan để phục vụ đánh giá kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị (hình thức cung cấp do Trưởng Đoàn kiểm tra quyết định).

+ Các thành viên Đoàn kiểm tra kiểm tra theo phân công, báo cáo Trưởng Đoàn kiểm tra kết quả kiểm tra (gửi Thư ký Đoàn kiểm tra tổng hợp).

+ Trưởng Đoàn kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra sơ bộ đến các cơ quan, đơn vị được kiểm tra để biết, có ý kiến giải trình, bổ sung (nếu có).

d) Thông báo kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra, Đoàn kiểm tra thông báo kết luận kiểm tra đến các cơ quan, đơn vị để biết, trong đó nêu rõ nội dung kiểm tra; mặt đạt được; hạn chế, thiếu sót, vi phạm và giải pháp cần triển khai khắc phục; việc xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan, đơn vị; nội dung kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý.

đ) Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra: Theo đề nghị của Đoàn Kiểm tra, cơ quan, đơn vị được kiểm tra báo cáo kết quả việc khắc phục sau kiểm tra, gửi Đoàn kiểm tra để tổng hợp, theo dõi (thông qua Sở Nội vụ).

e) Báo cáo kết quả kiểm tra: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc đợt kiểm tra, Đoàn kiểm tra tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra

(thông qua Sở Nội vụ).

g) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý sau kiểm tra: Trên cơ sở báo cáo, kiến nghị của các Đoàn kiểm tra, Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý tồn tại, hạn chế, thiếu sót, vi phạm được phát hiện qua kiểm tra; tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả khắc phục sau kiểm tra của các cơ quan, đơn vị.

3. Thời gian kiểm tra

- Thời gian tiến hành kiểm tra: Các Đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra từ quý II/2023 đến hết quý III năm 2023. Thời gian cụ thể do Trưởng Đoàn kiểm tra quyết định.

- Mốc thời gian kiểm tra: Theo từng nội dung yêu cầu tại đề cương báo cáo.

IV. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA VÀ THÀNH PHẦN LÀM VIỆC CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Thành phần Đoàn kiểm tra

- Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập 03 Đoàn kiểm tra để kiểm tra toàn diện công tác CCHC, chuyên đề về cải cách TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, chuyên đề tài chính công.

- Thành phần Đoàn kiểm tra gồm Trưởng Đoàn, Thư ký Đoàn và các thành viên. Trong đó, Trưởng Đoàn là lãnh đạo các Sở Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Thư ký Đoàn và thành viên là công chức, viên chức được cử từ Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Mời thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh tham gia cùng với Đoàn Kiểm tra.

- Mời phóng viên Báo Khánh Hòa, phóng viên Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa tham gia đưa tin và tuyên truyền về hoạt động của Đoàn kiểm tra.

2. Thành phần của cơ quan, đơn vị tham gia làm việc với Đoàn kiểm tra

a) Đối với các cơ quan, đơn vị được kiểm tra toàn diện, gồm:

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được kiểm tra;

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc có liên quan đến nội dung kiểm tra; cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ theo dõi, tham mưu công tác CCHC của cơ quan, đơn vị;

- Lãnh đạo được phân công phụ trách Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính các lĩnh vực (theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra);

- Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, Phòng Nội vụ cấp huyện khi Đoàn kiểm tra làm việc tại các đơn vị cấp xã;

- Lãnh đạo các cơ quan ngành dọc của trung ương trên địa bàn tỉnh khi Đoàn kiểm tra làm việc tại các đơn vị ngành dọc cấp huyện;

- Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa khi Đoàn kiểm tra làm

việc tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;

- Mời đại diện cấp ủy đảng cơ quan, đơn vị được kiểm tra tham gia làm việc với Đoàn kiểm tra.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị được kiểm tra chuyên đề về tài chính công:

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được kiểm tra;

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc có liên quan đến nội dung kiểm tra;

- Công chức, viên chức được giao nhiệm vụ theo dõi, tham mưu về lĩnh vực tài chính;

- Công chức, viên chức được giao nhiệm vụ theo dõi, tham mưu công tác CCHC của cơ quan, đơn vị.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thành lập các Đoàn kiểm tra, chọn cơ quan, đơn vị được kiểm tra, đảm bảo số lượng và cơ cấu.

- Làm đầu mối, chủ trì phối hợp với các Đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị theo kế hoạch; tổng hợp, cung cấp báo cáo phục vụ kiểm tra, hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra.

- Trên cơ sở báo cáo, kiến nghị của các Đoàn kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý, khắc phục tồn tại, hạn chế, thiếu sót, vi phạm được phát hiện qua kiểm tra.

2. Các Sở Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh

- Tạo điều kiện để thành viên tham gia cùng với Đoàn kiểm tra đầy đủ; cung cấp tài liệu, thông tin liên quan theo phạm vi, chức năng tham mưu quản lý; chịu trách nhiệm đối với nội dung kiểm tra của công chức, viên chức cử tham gia Đoàn kiểm tra.

- Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ bố trí các điều kiện, phương tiện và hậu cần để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra

- Phổ biến, quán triệt nội dung kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức để biết, thực hiện.

- Xây dựng báo cáo phục vụ Đoàn kiểm tra theo đề cương, gửi Đoàn kiểm tra (thông qua Sở Nội vụ) trước thời điểm kiểm tra 05 ngày làm việc.

- Bố trí phòng làm việc và các phương tiện cần thiết phục vụ Đoàn kiểm tra làm việc; triệu tập đầy đủ thành phần làm việc và phân công cán bộ, công chức, viên chức cùng làm việc với các thành viên Đoàn kiểm tra; mời đại diện cấp ủy đảng cùng tham gia làm việc với Đoàn kiểm tra.

- Báo cáo, cung cấp kịp thời, đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, thông tin, nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị, kết luận của Đoàn kiểm tra; chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế, thiếu sót, vi phạm được phát hiện thông qua kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ tổng hợp*).

4. Các cơ quan, đơn vị: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác CCHC năm 2023 đối với cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc, báo cáo kết quả về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

5. Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa: Tham gia đưa tin các buổi làm việc của Đoàn kiểm tra.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra từ nguồn kinh phí CCHC tỉnh cấp trong ngân sách Sở Nội vụ năm 2023./.

Phụ lục 1
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO PHỤC VỤ KIỂM TRA TOÀN DIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023)

I. CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)

1. Về ban hành và triển khai kế hoạch CCHC năm 2023

- Xây dựng, ban hành kế hoạch CCHC.
- Tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch CCHC tại thời điểm kiểm tra (số nhiệm vụ đã hoàn thành (đúng hạn, trễ hạn), chưa hoàn thành (trong hạn, trễ hạn)).

2. Về chỉ đạo, điều hành CCHC

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC (chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc, nhắc nhở thực hiện nhiệm vụ CCHC).
- Việc phân công lãnh đạo, công chức, viên chức phụ trách công tác CCHC.
- Số lượng các cuộc họp, hội nghị, giao ban về công tác CCHC và các nội dung liên quan đến công tác CCHC.
- Thực hiện đánh giá chất lượng, tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (gọi tắt là TTHC) của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.
- Việc bố trí kinh phí thực hiện công tác CCHC của cơ quan, đơn vị.

3. Về công tác kiểm tra CCHC

- Xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC tại cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc.
- Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra về CCHC; việc xử lý hạn chế, thiếu sót, vi phạm sau kiểm tra.
- Việc triển khai khắc phục tồn tại, hạn chế, thiếu sót, vi phạm được phát hiện qua kiểm tra CCHC năm 2022 theo chỉ đạo của UBND tỉnh, cơ quan cấp trên.

4. Công tác tuyên truyền, tập huấn CCHC

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền, tập huấn về CCHC năm 2023.
- Kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền (nội dung; hình thức; số lượng tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện;...).

5. Ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động số 12823/CTr-UBND ngày 23/12/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 18/10/2022 của Tỉnh ủy

6. Triển khai các giải pháp cải thiện và nâng cao các Chỉ số đánh giá đối với tỉnh như PAR-INDEX, SIPAS, PCI, PAPI, DTI, ICT

7. Thực hiện quy định về việc không yêu cầu công dân cung cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện TTHC theo chỉ đạo của trung ương, UBND tỉnh

8. Sáng kiến, giải pháp trong triển khai công tác CCHC

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (viết tắt là VBQPPL)

- Số VBQPPL đã ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (nếu có).

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật (ban hành kế hoạch/báo cáo kết quả theo dõi, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật).

- Rà soát VBQPPL.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL.

- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

b) Việc triển khai các giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

- Việc triển khai và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động nâng cao Chỉ số PCI tỉnh giai đoạn 2021- 2025, Chương trình hành động nâng cao Chỉ số PCI tỉnh năm 2023.

- Việc triển khai và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ.

- Các văn bản đã ban hành, hoạt động đã triển khai để góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

2. Cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

a) Cải cách TTHC

- Đánh giá tác động của TTHC tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

- Tham mưu công bố danh mục TTHC, TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC (nếu có).

- Công khai TTHC.

- Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC, công khai kết quả xử lý theo quy định.

- Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC.

- Rà soát, thống kê, công bố, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong tỉnh theo Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh.

- Báo cáo tình hình, kết quả việc đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Kế hoạch số 10562/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh.

b) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

- Bố trí, kiện toàn công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; bố trí trang thiết bị cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 đã được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung.

- Triển khai Bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Số lượng lĩnh vực, TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC, gồm: Hồ sơ tiếp nhận; hồ sơ đã giải quyết (đúng hạn, trễ hạn); hồ sơ đang giải quyết (trong hạn, trễ hạn); tổng số hồ sơ trễ hạn (bảng đã giải quyết trễ hạn + đang giải quyết trễ hạn; tỉ lệ hồ sơ trễ hạn (tổng số hồ sơ trễ hạn/hồ sơ đã giải quyết + hồ sơ đang giải quyết (*Thống kê từ ngày 15/12/2022 đến thời điểm báo cáo*)).

- Chấp hành quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Điều 21a, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, gồm các nội dung sau:

+ Scan và gắn file thành phần hồ sơ đầu vào;

+ Scan và gắn file hồ sơ, tài liệu phát sinh trong quá trình giải quyết, kết quả giải quyết;

+ Ký số đối với hồ sơ đầu vào;

+ Ký số đối với kết quả giải quyết, văn bản trả lời, xác minh trong quá trình giải quyết;

+ Bóc tách dữ liệu điện tử, lưu kết quả số hóa theo quy định.

c) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (*Thống kê từ ngày 15/12/2022 đến thời điểm báo cáo*)

- Hồ sơ TTHC thực hiện trực tuyến.

- Hồ sơ TTHC thanh toán trực tuyến.

3. Về cải cách tổ chức bộ máy

Kiểm tra việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan, đơn vị đối với các nội dung:

- Việc sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,

ơ cấu tổ chức (đối với UBND cấp xã, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trên các lĩnh vực quản lý nhà nước ở cơ quan, đơn vị).

- Thực hiện quy định về sử dụng biên chế, vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền giao:

+ Việc xây dựng kế hoạch biên chế công chức và số lượng người làm việc hằng năm;

+ Việc chấp hành các quy định về thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc;

+ Việc phân bổ và thực hiện biên chế công chức và số lượng người làm việc được giao;

+ Việc thực hiện các nội dung về phê duyệt vị trí việc làm trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc thực hiện các quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước đã được phân cấp và xử lý các vấn đề được phát hiện sau kiểm tra (đối với cơ quan tài nguyên và môi trường, các địa phương, tập trung kiểm tra về phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai).

4. Cải cách chế độ công vụ

- Việc thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại tại cơ quan, đơn vị.

- Việc thực hiện công tác xếp lương, bổ nhiệm ngạch/chuyển đổi nghề nghiệp đối với công chức, viên chức mới trúng tuyển.

- Việc thực hiện chế độ tiền lương (nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn) tại cơ quan, đơn vị.

- Việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc chuyển xếp lương (nếu có) khi có thay đổi về trình độ chuyên môn đào tạo theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2023; Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2023; việc thực hiện bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định tại Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ; việc thực hiện bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; tình hình, kết quả thực hiện Chỉ thị 06/CT-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh.

- Việc thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao tiếp trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức; việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức.

* Đối với UBND cấp huyện, UBND cấp xã, báo cáo thêm các nội dung:

- Thực trạng số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; việc bố trí, sử dụng, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Việc thực hiện công tác xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã; xếp lương khi thay đổi bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ; xếp lương lần đầu đối với cán bộ, công chức cấp xã.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

5. Về cải cách tài chính công

- Thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thực hiện báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

- Thực hiện công khai tài chính ngân sách.

- Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công.

- Giải ngân vốn đầu tư công.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Ứng dụng công nghệ thông tin

- Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế, kế hoạch về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Phạm vi, mức độ và hiệu quả triển khai sử dụng các hệ thống thông tin: Ứng dụng phần mềm một cửa điện tử trong giải quyết TTHC; ứng dụng Phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý văn bản đi/đến; ứng dụng phần mềm nội bộ thuộc Hệ thống GIS Khánh Hòa (nếu có); sử dụng chữ ký số của cơ quan và lãnh đạo cơ quan trên văn bản điện tử; sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc; mức độ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước; việc cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan,...

- Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của cơ quan: Việc lập hồ sơ phê duyệt cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin và công tác triển khai thực hiện sau phê duyệt.

- Việc tuân thủ quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan đến đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại cơ quan, đơn vị.

- Đối với đơn vị sự nghiệp và cơ quan ngành dọc trung ương: Việc ứng dụng hệ thống thông tin trong hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ, cung cấp thông tin, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC.

b) Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn

quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg và yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (*nêu cụ thể, không ghi chung chung*)

- Đối với trung ương
- Đối với UBND tỉnh
- Đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan

VI. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG (*thuyết minh, minh họa, giải trình*)

Kèm theo báo cáo các văn bản về chỉ đạo, triển khai công tác CCHC của cơ quan, đơn vị; các tài liệu khác minh họa cho nội dung báo cáo; các bảng tổng hợp số liệu liên quan đến nội dung kiểm tra./.

Phụ lục 2
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CẢI CÁCH TTHC VÀ CUNG CẤP
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN PHỤC VỤ KIỂM TRA CCHC NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh; và các quy định, hướng dẫn, chỉ đạo có liên quan.

2. Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2023.

3. Thực hiện đánh giá chất lượng, tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách TTHC

- Đánh giá tác động của TTHC tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

- Tham mưu công bố danh mục TTHC, TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC (nếu có).

- Công khai TTHC.

- Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC, công khai kết quả xử lý theo quy định.

- Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC.

- Rà soát, thống kê, công bố, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong tỉnh theo Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh.

- Báo cáo tình hình, kết quả việc đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Kế hoạch số 10562/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh.

2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

- Bố trí, kiện toàn công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; bố trí trang thiết bị cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 đã được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung.

- Triển khai Bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Số lượng lĩnh vực, TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC, gồm: Hồ sơ tiếp nhận; hồ sơ đã giải quyết (đúng hạn, trễ hạn); hồ sơ đang giải quyết (trong hạn, trễ hạn); tổng số hồ sơ trễ hạn (bảng đã giải quyết trễ hạn + đang giải quyết trễ hạn; tỉ lệ hồ sơ trễ hạn (tổng số hồ sơ trễ hạn/hồ sơ đã giải quyết + hồ sơ đang giải quyết (*Thống kê từ ngày 15/12/2022 đến thời điểm báo cáo*)).

- Chấp hành quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Điều 21a, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, gồm các nội dung sau:

+ Scan và gắn file thành phần hồ sơ đầu vào;

+ Scan và gắn file hồ sơ, tài liệu phát sinh trong quá trình giải quyết, kết quả giải quyết;

+ Ký số đối với hồ sơ đầu vào;

+ Ký số đối với kết quả giải quyết, văn bản trả lời, xác minh trong quá trình giải quyết;

+ Bóc tách dữ liệu điện tử, lưu kết quả số hóa theo quy định.

3. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (*Thống kê từ ngày 15/12/2022 đến thời điểm báo cáo*)

- Hồ sơ TTHC thực hiện trực tuyến qua mạng internet, gồm các nội dung:

+ Số lĩnh vực, TTHC được công bố thực hiện;

+ Số TTHC phát sinh hồ sơ;

+ Số hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ của TTHC công bố thực hiện trực tuyến có phát sinh hồ sơ, tỉ lệ;

+ Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trong thời hạn 08 giờ làm việc theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hồ sơ TTHC thanh toán trực tuyến, gồm các nội dung:

+ Số lĩnh vực, TTHC được công bố thực hiện;

+ Số TTHC phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến;

+ Số lượng giao dịch và số tiền thanh toán trực tuyến (Công Dịch vụ công quốc gia; Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (*nêu cụ thể, không ghi chung chung*)

- Đối với trung ương
- Đối với UBND tỉnh
- Đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan

VI. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG (*thuyết minh, minh họa, giải trình*)

Kèm theo báo cáo các văn bản về chỉ đạo, triển khai công tác CCHC của cơ quan, đơn vị; các tài liệu khác minh họa cho nội dung báo cáo; các bảng tổng hợp số liệu liên quan đến nội dung kiểm tra./.

Phụ lục 3
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ TÀI CHÍNH CÔNG
PHỤC VỤ KIỂM TRA CCHC NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023)

I. CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính.
- Công tác báo cáo quyết toán của đơn vị khối tỉnh.
- Thực hiện công khai thu chi tài chính.
- Việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư (áp dụng cho các cơ quan, đơn vị được giao vốn đầu tư phát triển hằng năm).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

- Báo cáo kết quả thực hiện tự chủ theo biên chế được giao (từ ngày 01/01/2023 đến ngày báo cáo).
- Báo cáo kết quả thực hiện tự chủ, kết quả phân phối thu nhập (Kết quả thực hiện của năm 2022).

2. Kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính

- Chỉ tiêu tiết kiệm tại chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ, UBND tỉnh năm 2022.
- Số kinh phí tiết kiệm được xác định trên cơ sở so sánh số chi thực tế với dự toán chi thường xuyên đã được duyệt của các nhiệm vụ đã hoàn thành trong năm 2022, trong đó:
 - + Số liệu dự toán chi thường xuyên là số dự toán chi thường xuyên được giao sử dụng trong năm (bao gồm số dự toán được giao đầu năm, số dự toán được bổ sung trong năm và số dư dự toán năm trước được phép chuyển sang năm sau).
 - + Số chi thực tế là số chi mà đơn vị làm thủ tục thanh toán thực chi với Kho bạc Nhà nước gắn với việc hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm.

- Việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.

- Việc thực hiện tinh giản biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước; giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các đơn vị đã tự chủ tài chính).

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới hoặc ngân sách cấp dưới (đối với các đơn vị có đơn vị dự toán cấp dưới trực tiếp hoặc ngân sách cấp dưới).

- Kết quả chấm điểm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên.

- + Đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp xã.

- + Đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện.

- + Đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đối với đơn vị sử dụng ngân sách là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Công tác báo cáo quyết toán của đơn vị khối tỉnh

- Thời hạn nộp báo cáo quyết toán của các cơ quan, đơn vị.

- Tình hình thực hiện quyết toán kinh phí năm 2022 đã được Sở Tài chính thẩm định, xét duyệt.

4. Kết quả thực hiện công khai tài chính - ngân sách (Từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm báo cáo)

- Công khai ngân sách đối với cấp huyện, cấp xã: Thực hiện theo quy định Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

- Công khai thu chi tài chính - ngân sách đối với đơn vị sử dụng ngân sách: Thực hiện theo quy định các Thông tư của Bộ Tài chính số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

5. Việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

- Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị.

- Tình hình theo dõi, quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị.

6. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư (áp dụng cho các đơn vị được giao vốn đầu tư phát triển hàng năm)

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công được giao đầu năm và điều chỉnh đến thời điểm báo cáo.

+ Đối với các đơn vị, sở, ban, ngành thuộc tỉnh: Cung cấp quyết định giao vốn đầu năm, điều chỉnh.

+ Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm các xã): Cung cấp Nghị quyết của HĐND các cấp về kế hoạch đầu tư công năm 2023, quyết định giao kế hoạch vốn các dự án mà đơn vị được giao làm chủ đầu tư.

- Tổng số vốn đầu tư công đã giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo.

- Biểu mẫu số 1 và số 2 kèm theo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan cấp trên để công tác CCHC lĩnh vực tài chính công trong giai đoạn tới đạt kết quả, hiệu quả tốt hơn (*nếu có*).

VI. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG (*thuyết minh, minh họa, giải trình*)

Kèm theo báo cáo các văn bản về chi đạo, triển khai trong lĩnh vực tài chính công của cơ quan, đơn vị; các bảng tổng hợp số liệu liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu và các tài liệu khác minh họa cho nội dung báo cáo./.

Biểu mẫu 1

Báo cáo tình hình giải ngân vốn đầu tư công chi tiết theo từng dự án
(Đối với đơn vị là các sở, ban, ngành thuộc tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	QĐ giao vốn đầu năm/ điều chỉnh	Kế hoạch vốn			Số vốn đã thanh toán đến thời điểm kiểm tra			Ước số vốn đã thanh toán đến thời điểm 31/01/2023			Tỷ lệ giải ngân	Khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
			Tổng số	KHV kéo dài	KHV giao trong năm	Tổng số	Số vốn kéo dài	Số vốn giao trong năm	Tổng số	Số vốn kéo dài	Số vốn trong năm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(7)/(4)	(14)	(15)
I	Nguồn vốn NS TW													
	Dự án													
	...													
II	Nguồn vốn NS tỉnh													
	Dự án													
	...													

Ghi chú: số liệu từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo.

Báo cáo tình hình giải ngân vốn đầu tư công chi tiết theo từng dự án
(Đối với các xã, đơn vị trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố)

DVT: Triệu đồng

STT	Dự án	QĐ giao vốn đầu năm/ điều chính	Kế hoạch vốn			Số vốn đã thanh toán đến thời điểm kiểm tra			Ước số vốn đã thanh toán đến thời điểm 31/01/2023			Tỷ lệ giải ngân	Khó khăn, Vướng mắc	Kiến nghị
			Tổng số	KHV kéo dài	KHV giao trong năm	Tổng số	Số vốn kéo dài	Số vốn giao trong năm	Tổng số	Số vốn kéo dài	Số vốn trong năm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(7)/(4)	(14)	(15)
I	Nguồn vốn NS TW													
	Dự án													
	...													
II	Nguồn vốn NS tỉnh quản lý													
	Dự án													
	...													
III	Nguồn vốn NS huyện quản lý													
	Dự án													
	...													
IV	Nguồn NS xã													
	Dự án													
	...													

Ghi chú: số liệu từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo.

